

Bản án số: 14/2020/HSST
Ngày: 28/02/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Nghiêm, bà Nguyễn Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Đào Quang Khuyển -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/HSST-TL ngày 20 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXXST-HS ngày 18/02/2020 đối với:

Bị cáo: Phạm Thị D; Sinh ngày 18/5/2000; Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã LS, huyện T, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12;

Họ và tên cha: Phạm Văn D1, sinh năm 1968; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1973; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt*.

Người bị hại: Anh Vũ Xuân Đ, sinh năm 1990,

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998,

HKTT: thôn K, xã LS, huyện T, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị D2, sinh năm 1981, Trú tại số 406 Nguyễn Lương B, thị trấn TM, huyện T, tỉnh H.

Người làm chứng: - Anh Phạm Văn D1, sinh năm 1968

HKTT: Thôn L, xã LS, huyện T, tỉnh H.

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1967

- Chị Lê Thị T1, sinh năm 1967

HKTT : thôn K, xã LS, huyện T, tỉnh H.

Anh Đ, chị H, anh D1 có mặt; Chị D2, chị T, chị T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16/12/2019, Phạm Thị D điều khiển xe mô tô Vision biển kiểm soát 34F1-128.02 màu xanh, từ nhà mình đi sang nhà chị gái chơi. Khi đi qua nhà anh Vũ Xuân Đ, ở thôn K, xã LS, thấy nhà khóa cổng, khóa cửa, không có

người ở nhà nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà anh Đ. D tìm được chìa khóa cổng và chìa khóa cửa nhà anh Đ, sau đó mở cổng, mở cửa đi thẳng lên tầng hai nhà anh Đ để tìm tài sản. D lục tìm chìa khóa mở ngăn bàn trang điểm, trộm cắp 04 chiếc nhẫn vàng (gồm 02 chiếc nhẫn trơn, tròn, trọng lượng 1 chỉ/1 chiếc, bên trong có chữ "VB NHNO" và 02 chiếc nhẫn trơn tròn giống nhau, trọng lượng 0,5 chỉ/chiếc, bên trong có chữ "Hiền Loan") đựng trong có 01 hộp nhựa nhỏ hình tròn màu đỏ cam để trong hộp giấy màu trắng. Khoảng 17 giờ cùng ngày, D mang 01 chiếc nhẫn trọng lượng 0,5 chỉ đến cửa hàng vàng bạc Tuyên Dung, ở số 406 Nguyễn Lương B, thị trấn TM, huyện T, tỉnh H, bán được 1.975.000 đồng. Đối với 3 chiếc nhẫn vàng còn lại, D mang giấu tại công ty giày da Vietstar nơi mình làm việc.

Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 31/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện kết luận: 02 chiếc nhẫn vàng 24K, mặt bên trong mỗi chiếc có chữ "Hiền Loan", trọng lượng mỗi chiếc là 0,5 chỉ, tổng giá trị 02 chiếc nhẫn này có giá 4.180.000 đồng. 02 chiếc nhẫn vàng 24K, mặt bên trong mỗi chiếc có chữ "VB NHNO", trọng lượng mỗi chiếc là 01 chỉ, tổng giá trị 02 chiếc nhẫn này có giá 8.360.000 đồng, tổng cộng là 12.540.000đ.

Quá trình điều tra, D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, khai bán 01 nhẫn đã chi tiêu hết 975.000 đồng, còn lại 1.000.000đ D giao nộp cho Cơ quan điều tra và tự nguyện giao nộp lại 3 chiếc nhẫn vàng còn lại.

Cơ quan điều tra quản lý và trả lại cho anh Đ, chị H 04 chiếc nhẫn vàng (gồm 02 chiếc nhẫn trơn, tròn, trọng lượng 1 chỉ/1 chiếc, bên trong có chữ "VB NHNO" - và 02 chiếc nhẫn trơn tròn giống nhau, trọng lượng 0,5 chỉ/chiếc, bên trong có chữ "Hiền Loan"). Số tiền 1.975.000 đồng do D giao nộp, xác định đây là số tiền chị Vũ Thị D2 - chủ cửa hàng vàng bạc Tuyên Dung trả cho D, chị D2 không biết chiếc nhẫn vàng do D phạm tội mà có, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền này cho chị D2. Anh Đ, chị H, chị D2 không có yêu cầu bồi thường nào khác và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 12/VKS-HS ngày 17/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện đã truy tố bị cáo Phạm Thị D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Thanh Miện thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1, 2, 5 điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Phạm Thị D từ 07 - 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về cho UBND xã LS, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung : không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đ, chị H, chị D2 xác nhận đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu khác nên không giải quyết.

Về vật chứng: Thu giữ 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đỏ loại nửa đầu, 01 áo phông màu trắng của bị cáo đều đã cũ, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không đề nghị lấy lại vì vậy tịch thu cho tiêu huỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a,c khoản 2 điều 106 BLTTHS.

Về án phí: Áp dụng điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thanh Miện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai người bị hại, vật chứng thu được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ ngày 16/12/2019, Phạm Thị D đã có hành vi lén lút vào nhà anh Vũ Xuân Đ, sinh năm 1990, ở thôn K, xã LS, huyện T, tỉnh H, trộm cắp của gia đình anh Đ 04 chiếc nhẫn vàng, tổng trị giá 12.540.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, lỗi cố ý trực tiếp, tài sản trộm cắp trị giá 12.540.000đ. Vì vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS, quyết định truy tố của VKSND huyện Thanh Miện đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình khai báo luôn thành khẩn, ăn năn hối lỗi hành vi đã phạm, có thái độ hợp tác với cơ quan điều tra trong việc khai báo, chỉ vị trí giấu tài sản, xin lỗi và tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho vợ chồng anh Đ, chị H và chị D2, được người bị hại và chị D2 xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS. Xét bị cáo là phụ nữ tuổi còn trẻ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, việc phạm tội bột phát do cơ hội, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết cách ly bị cáo mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Giao bị cáo về cho UBND xã LS, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, *nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo tuổi còn trẻ, còn phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: anh Đ, chị H xác nhận đã nhận lại tài sản bị cáo trộm cắp, chị D2 xác nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, không có yêu cầu nào khác nên không giải quyết.

[6]. Vật chứng: Chuyển theo hồ sơ vụ án 01 chiếc mũ bảo hiểm và 01 áo phong màu trắng đã cũ của bị cáo, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không đề nghị lấy lại vì vậy tịch thu cho tiêu hủy. Đối với chiếc hộp nhựa tròn màu đỏ cam, sau khi lấy vàng mang đi bán, D khai đã vứt đi không nhớ cụ thể vị trí, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không xem xét.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Miện quản lý 01 xe mô tô Vision biển kiểm soát 34F1-128.02 màu xanh cùng đăng ký xe, xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Phạm Thị N (chị gái D) để lại cho ông D1 quản lý, chị N, ông D1 không biết bị cáo D sử dụng vào việc phạm tội nên đã trả lại cho ông D1.

[7]. Về án phí: Bị cáo có hành vi phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, khoản 1, 2, 5 điều 65 BLHS; Điểm a khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 điều 106, điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25-11-2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt Phạm Thị D **07** (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/02/2020).

Giao bị cáo D về cho UBND xã LS, huyện T, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu màu đỏ có in chữ PGLSPORT và 01 áo phong màu trắng, tại ngực bên trái của áo có chữ NY đã cũ thu của bị cáo.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/02/2020 giữa Công an huyện

Thanh Miện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện).

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, điều 333 BLTTHS, bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương.
- CQCSĐT Công an Thanh Miện;
- CQTHAHS Công an tỉnh Hải Dương ;
- Chi cục THADS Thanh Miện,
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương ;
- Người tham gia tố tụng,
- Lưu hồ sơ

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Xuân Thành